

Số: 57/2024/QĐST-DS **N**, ngày 20 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản Hòa giải thành được lập ngày 12/9/2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 138/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2024, về việc “tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Đ** –sinh năm: 1960.

Trú tại: **Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

*Bị đơn: Bà **Trần Thị Hoàng M** –sinh năm: 1948.

Trú tại: **Khu phố I, phường P, thành phố P T, tỉnh Ninh Thuận.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà **Trương Thị Đ** được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại các điểm (1,2,3,4,5,15,14,13) là 1.030m², thuộc thửa đất số 581a (diện tích 724m²), và thửa đất số 1416a (diện tích 306m²), thuộc tờ bản đồ địa chính số 11 của **Ủy ban nhân dân xã A**. Đất tọa lạc tại **thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Bà **Trần Thị Hoàng M** được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tại các điểm (5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15) là 1.088m², thuộc thửa đất số 581 (diện tích 803m²), và thửa đất số 1416 (diện tích 285m²), thuộc tờ bản đồ địa chính số 11 của **Ủy ban nhân dân xã A**. Đất tọa lạc tại **thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Bà **Trương Thị Đ** và bà **Trần Thị Hoàng M** được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với các thửa đất số 581, 581a, 1416, 1416a, thuộc tờ bản đồ địa chính số 11 của **Ủy ban nhân dân xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định, định giá tài sản và trích đo vẽ chính lý thửa đất bản đồ địa chính là 8.000.000đồng (tám triệu đồng). Bà **Trương Thị Đ** và bà **Trần Thị Hoàng M** tự nguyện mỗi người chịu 1/2 và đã nộp đủ.

Về án phí: Do bà **Trương Thị Đ** và bà **Trần Thị Hoàng M**, đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo trích đo vẽ chính lý thửa đất bản đồ địa chính ngày 27/8/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh N-chi nhánh huyện N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 809565 được Sở T cấp ngày 14/5/2021 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 866890 được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 18/3/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Lưu (AV, HS)/.

THẨM PHÁN

Dương Thị Xuân Thủy